

Số: 57/2022/QĐST-DS

Đông Anh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 124/2021/TLST-DS ngày 06/7/2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng NN Việt Nam**; trụ sở: Số 2 đường LH, phường TC, quận BD, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn T** – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Xuân L** – Giám đốc Ngân hàng NN Việt Nam chi nhánh Đông Anh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Long: Ông **Trần Văn M** – Phó giám đốc Ngân hàng NN Việt Nam chi nhánh Đông Anh.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Duy T**, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1979; nơi cư trú: Thôn TH, xã BH, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Dương Thị L**, sinh năm 1979.
 2. Cụ **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1936.
 3. Cụ **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1941.
 4. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1976.
 5. Ông **Đoàn Trung K1**, sinh năm 1973.
 6. Chị **Đoàn Thị Hồng N**, sinh năm 1998.
 7. Anh **Nguyễn Duy Ch**, sinh năm 2001 (Con ông T – bà L)..
 8. Ông **Nguyễn Duy Cg**, sinh năm 1964.
 9. Cháu **Nguyễn Duy H**, sinh năm 2006 (Con ông T – bà L).
- Cùng trú tại: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu H: Ông Nguyễn Duy T và bà Dương Thị L.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ K, cụ T, ông Cg, bà C, ông K1, chị N, anh C: Bà Dương Thị L.

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201407549 ngày 18/12/2014; phụ lục hợp đồng tín dụng số 01 ngày 05/11/2015 và các giấy nhận nợ: Giấy nhận nợ ngày 27/12/2014; Giấy nhận nợ ngày 30/12/2014; Giấy nhận nợ ngày 08/5/2015; Giấy nhận nợ ngày 15/6/2015; Giấy nhận nợ ngày 17/6/2015; Giấy nhận nợ ngày 19/6/2015. Tính đến hết ngày 21/3/2022, ông Nguyễn Duy T còn nợ Ngân hàng NN Việt Nam số tiền như sau:

- Tổng dư nợ gốc: 1.886.000.000 (Một tỷ, tám trăm tám mươi sáu triệu) đồng.
- Tổng dư nợ lãi trong hạn: 623.718.500 (Sáu trăm hai mươi ba triệu, bảy trăm mười tám nghìn, năm trăm) đồng.
- Tổng dư nợ lãi quá hạn: 858.708.000 (Tám trăm năm mươi tám triệu, bảy trăm linh tám nghìn) đồng.
- Tổng dư nợ gốc và lãi: 3.368.426.500 (Ba tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng.

2.2 Về phương thức trả nợ: Hạn cuối là ngày 30/6/2022, ông Nguyễn Duy T phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền 3.368.426.500 (Ba tỷ, ba trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm hai mươi sáu nghìn, năm trăm) đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/3/2022 đến khi tất toán khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, phụ lục hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ theo lộ trình sau:

Từ tháng 4 năm 2022 đến hết tháng 5 năm 2022, mỗi tháng ông Nguyễn Duy T phải trả ngân hàng số tiền tối thiểu 5.000.000 (Năm triệu) đồng vào ngày 25 hàng tháng.

Ngày 30/6/2022, ông Nguyễn Duy T phải trả toàn bộ khoản nợ còn lại cho ngân hàng.

Toàn bộ tiền ông T trả ngân hàng sẽ thu vào tiền gốc. Sau khi thu hết tiền gốc mới được thu vào tiền lãi.

2.3. Trường hợp ông Nguyễn Duy T vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng NN Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là:

+ Tài sản 1: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 26; tờ bản đồ số 02; diện tích 421 m² tại địa chỉ: Thôn TH, xã BH, huyện ĐA, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 901450, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0796.QSDD/BH do UBND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp ngày 04/10/2002 cho hộ gia đình ông Nguyễn Duy K.

+ Tài sản 2: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 29a; tờ bản đồ số 03B; diện tích 61,5 m² tại địa chỉ: Khu 3, xã PM, huyện SS, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 883921, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CH00666 do UBND huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2013 mang tên ông Nguyễn Duy T.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Nguyễn Duy T tiếp tục phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

2.4 *Tiền án phí dân sự sơ thẩm*: 99.368.000 (Chín mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi tám nghìn) đồng. Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên được giảm 50%; số tiền án phí còn: 49.684.000 (Bốn mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng. Ông Nguyễn Duy T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm 49.684.000 (Bốn mươi chín triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn) đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trả lại Ngân hàng NN Việt Nam số tiền 47.625.000 (Bốn mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0045426 ngày 06 tháng 7 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- TAND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Quang Tuyền